

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2023
V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai
Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy,
tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình
thụ lý: 169/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh
chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn
phiên tòa số: 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các
đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Z, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Z, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Vào năm 2014, chị với anh Nguyễn N tiến đến
quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện
B, tỉnh An Giang. Từ thời gian đầu, cuộc sống chung đã không hạnh phúc
thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cách nghĩ và anh N cũng
đã nhiều lần đánh đập, chửi xúc phạm đến gia đình chị. Vì muốn duy trì cuộc
sống hôn nhân để chăm lo cho con ăn học đến tuổi trưởng thành nên chị đã cố
gắng nhẫn nhịn, chịu đựng những mong thời gian sẽ làm anh N thay đổi tính tình
nhưng anh N không thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy, xúc phạm danh dự chị
một cách quá đáng và đàn áp tinh thần chị ngày một nghiêm trọng hơn. Hiện chị
đã dọn ra ngoài sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023. Nhận thấy
cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị
yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn anh N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 15/9/2015. Ly hôn, chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về quá trình tiến đến hôn nhân. Quá trình chung sống, anh với T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng chưa hiểu nhau nên dẫn đến bất đồng ý kiến, anh sẽ cố gắng khắc phục và sửa đổi. Lúc trước, anh có đánh vợ vài bực tay do nóng giận nhưng lí do vì sao đánh thì anh không nhớ, còn việc chị T nói anh xúc phạm vợ và gia đình vợ là không có. Chị T đã dẫn con dọn ra ngoài sinh sống từ tháng 7/2023 đến nay, anh có đến rước chị T và con về nhưng chị T không chịu về. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị T do còn thương vợ, thương con. Biện pháp hàn gắn của anh là nếu chị T không muốn sống chung với cha mẹ anh thì anh sẽ mua đất cất nhà cho chị T ở riêng, bản thân anh sẽ tới lui với vợ, con do còn có cha mẹ già.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 15/9/2015 hiện đang sống với chị T. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản – nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/HT quyền số I/2014 vào ngày 22/02/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh N đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, thứ nhất khi Tòa án triệu tập anh N đến Tòa để tham gia phiên hòa giải và xét xử, anh N chỉ có mặt vào lần hòa giải và xét xử thứ 02, còn lại vắng mặt không lí do nên không thể hiện được thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Thứ hai, tuy tại phiên hòa giải lần 02 và tại phiên tòa hôm nay anh N có đưa ra được biện pháp hàn gắn là nếu chị T không muốn sống chung với cha mẹ thì anh sẽ mua đất cất nhà cho chị T ở riêng, anh sẽ tới lui với vợ, con do còn có cha mẹ già nhưng theo những gì chị T và anh N trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị và anh N bất đồng ý kiến trong cách nghĩ chứ không phải nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị T sống chung với gia

đình anh N. Tại phiên tòa, anh N cũng thừa nhận chị T không đồng ý với biện pháp hàn gắn này. Do đó biện pháp hàn gắn của anh N đưa ra chỉ là lời nói suông và không thuyết phục. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T với anh N thật sự không còn, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, thấu hiểu, chăm sóc lẫn nhau nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn N thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 15/9/2015, hiện đang sống với chị T. Ly hôn cả chị T và anh N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi chị T và anh N sống ly thân thì con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt. Tại bản tự khai, cháu L cũng có nguyện vọng được sống chung với chị T khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày không có còn anh Nguyễn N trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn N.

2. Về con: Giao con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn N có quyền và N vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018707 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

‘

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã ThớiKhánh, thị xã Cai Lậy, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ.....phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Z, thị xã Cai Lay, Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Z, thị xã Cai Lay, Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn N.

2. Về con: Giao con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn N có quyền và N vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018707 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)